|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THÁI BÌNH**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

# LUẬT CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC VÀ LUẬT SƯ

**Ngành đào tạo: Đại học Luật**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 640/QĐ-ĐHTB, ngày 14/12/2019)*

**1. Tên học phần: Luật Công chứng, chứng thực và luật sư** Mã học phần: 0101001967

**2. Số tín chỉ:** 2 (2,0,4)

**3. Trình độ:** Dành cho sinh viên năm thứ 3

**4. Phân bổ thời gian:**

- Lên lớp: 30 tiết

 + Lý thuyết/Thực hành/: 25 tiết

 + Seminar/Bài tập: 03 tiết

 + Kiểm tra: 2 tiết: Số bài kiểm tra định kỳ: 01 bài

- Tự học: 60 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:** Đã học học phần Lý luận nhà nước và pháp luật; Luật Hành chính.

**6. Mục tiêu của học phần:**

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng:

***6.1.******Về kiến thức*:**

**-** Người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về lí luận, thực tiễn và pháp luật về công chứng, chứng thực và luật sư. Đồng thời người học sẽ hiểu được vai trò của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lí hành chính trong các lĩnh vực đó;

**-** Người học được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về công chứng, chứng thực và luật sư vào thực tiễn.

***6.2. Về kỹ năng:***

***-*** Người học có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về công chứng, chứng thực và luật sư;

***-*** Có khả năng vận dụng pháp luật công chứng, chứng thực và luật sư vào thực tiễn;

***-*** Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong giao dịch dân sự;

***-*** Có khả năng đưa ra ý kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư đang diễn ra trong thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.

***6.3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:***

***-*** Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực và luật sư;

- Có quan điểm đúng về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư ở Việt Nam hiện nay;

- Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lí luận, thực tiễn về công chứng, chứng thực và luật sư;

- Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học vào cuộc sống và công tác.

**7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Công chứng, chứng thực là chuyên đề cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong tổ chức và hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư, thông qua đó đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực công chứng, chứng thực, luật sư và các vấn đề có liên quan.

**Môn học gồm 5 vấn đề:**

- Một số vấn đề lí luận về công chứng, chứng thực;

- Quá trình hình thành và phát triển công chứng, chứng thực ở nước ta và quản lí nhà nước về công chứng, chứng thực ở Việt Nam;

- Thủ tục thực hiện công chứng;

- Thủ tục thực hiện chứng thực;

- Một số vấn đề chung về luật sư ở Việt Nam hiện nay.

Môn học được thiết kế để giảng dạy cho sinh viên sau khi sinh viên đã hoàn thành môn học luật hành chính.

**8. Nhiệm vụ của sinh viên:**

- Tham dự học, thảo luận, kiểm tra, thi kết thúc học phần theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày

15/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Thái Bình.

- Dự lớp: trên 80%.

- Tham gia đầy đủ: 02 bài kiểm tra, 01 bài thi kết thúc học phần

- Tự học: 60 tiết

- Khác: Theo yêu cầu của giảng viên

**9. Tài liệu học tập:**

(1) Luật công chứng năm 2006;

(2) Luật công chứng năm 2014;

(3) Bộ luật dân sự năm 2015;

(4) Luật tổ chức Chính phủ năm 2015;

(5) Luật luật sư năm 2006;

(6) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2014;

(7) Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

(8) Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;

(9) Nguyễn Thanh Bình (1997), *Công chứng, luật sư, giám định tư pháp, hộ tịch*, Hà Nội;

(10) Viện khoa học pháp lí - Bộ tư pháp (1995), *Chuyên đề công chứng,* Hà Nội;

(11) Nguyễn Văn Yểu, Dương Đình Thành (1992), *Những điều cần biết về công chứng nhà nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;

(12) Dương Đình Thành (1998), *Tìm hiểu công chứng nhà nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

***10.1. Tiêu chí đánh giá:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** | **Ghi chú** |
| **1** | Điểm đánh giá giảng viên | Đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà. | 10% |  |
| **2** | Điểm kiểm tra định kỳ | 02 bài kiểm tra | 30 % |  |
| **3** | Thi kết thúc học phần | 01 bài thi | 60 % | Thi: viếtThời gian thi 60p |

***10.2. Cách tính điểm:***

**11. Thang điểm:** Theo qui chế tín chỉ

**12. Nội dung chi tiết học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG** | **TÊN CHƯƠNG** | **LÝ THUYẾT****(tiết)** | **Thực hành****(tiết)** | **Kiểm tra****(tiết)** |
| 1 | Một số vấn đề lí luận về công chứng, chứng thực | 5 |  |  |
| 2 | Quá trình hình thành, phát triển công chứng, chứng thực và quản lí nhà nước về công chứng, chứng thực ở Việt Nam | 5 | 1 | 1 |
| 3 | Thủ tục thực hiện công chứng | 5 | 1 |  |
| 4 | Thủ tục thực hiện chứng thực | 5 | 1 | 1 |
| 5 | Một số vấn đề chung về luật sư ở Việt Nam hiện nay | 5 |  |  |
| **Tổng cộng:** 30 | 25 | 3 | 2 |

**13. Hình thức và nội dung từng tuần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức TC dạy học** | **Nội dung** | **Thời gian (tiết)** | **Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu** | **Ghi chú** |
| **Tuần 1** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Khái niệm công chứng, chứng thực;- Phạm vi các việc công chứng, chứng thực;- Giá trị pháp lí của văn bản công chứng, chứng thực. | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009; - Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí.  |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 2** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Phạm vi các việc công chứng theo quy định của Luật công chứng 2014.  | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009; - Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí.  |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 3** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Quá trình hình thành và phát triển công chứng, chứng thực qua các thời kì: Pháp thuộc, dân chủ cộng hoà, XHCN.- Các chủ thể thực hiện công chứng, chứng thực. | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;- Nghị định của Hội đồng bộ trưởng số 45/1991/NĐ-HĐBT ngày 27/02/1991 về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 31/1996/NĐ-CP ngày 18/05/1996 về tổ chức, hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực; |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 4** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Khái niệm quản lí nhà nước về công chứng, chứng thực;- Phạm vi quản lí nhà nước về công chứng, chứng thực. | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;- Nghị định của Hội đồng bộ trưởng số 45/1991/NĐ-HĐBT ngày 27/02/1991 về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 31/1996/NĐ-CP ngày 18/05/1996 về tổ chức, hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực; |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 5** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Hoạt động công chứng của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước Cộng hoà XHCN ở nước ngoài; - Nêu đặc điểm hoạt động công chứng qua các thời kì: Pháp thuộc, dân chủ cộng hoà, XHCN. | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;- Nghị định của Hội đồng bộ trưởng số 45/1991/NĐ-HĐBT ngày 27/02/1991 về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 31/1996/NĐ-CP ngày 18/05/1996 về tổ chức, hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực; |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 6** |  |  |  |  |
| Seminar | - Phân biệt chủ thể quản lí nhà nước về công chứng với chủ thể quản lí nhà nước về chứng thực;- Đánh giá nội dung quản lí nhà nước về công chứng, chứng thực ở nước ta hiện nay.- Nội dung quản lí nhà nước về công chứng, chứng thực. | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 02/2008/NĐ-CP ngày 04/01/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;- Nghị định của Hội đồng bộ trưởng số 45/1991/NĐ-HĐBT ngày 27/02/1991 về tổ chức và hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 31/1996/NĐ-CP ngày 18/05/1996 về tổ chức, hoạt động công chứng nhà nước;- Nghị định của Chính phủ số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực; |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 7** |  |  |  |  |
|  | - Khái niệm thủ tục thực hiện công chứng; | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009;- Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 04/2013/NĐ-CP ngày 7/01/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 8** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch. | 1 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009;- Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 04/2013/NĐ-CP ngày 7/01/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá | Kiểm tra bài số 01 | 1 |  |  |
| **Tuần 9** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Quyền và nghĩa vụ của công chứng viên;- Quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu công chứng. | 2 | *\* Đọc:*- Luật công chứng năm 2006;- Luật công chứng năm 2014; - Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009;- Pháp lệnh lãnh sự năm 1990;- Nghị định của Chính phủ số 04/2013/NĐ-CP ngày 7/01/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 10** |  |  |  |  |
| Lí thuyết |  - Khái niệm thủ tục chứng thực;- Thủ tục chứng thực các loại việc chứng thực. | 2 | *\* Đọc:*- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí. |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 11** |  |  |  |  |
| Lí thuyết |  - Hoạt động cấp bản sao từ sổ gốc.- Hoạt động chứng thực của cơ quan đại diện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài.  | 2 | *\* Đọc:*- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí. |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 12** |  |  |  |  |
| Lí thuyết |  - Giá trị pháp lí của văn bản chứng thực. | 1 | *\* Đọc:*- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Luật về cơ quan đại diện của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ở nước ngoài năm 2009;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí;- Nghị định của Chính phủ số 04/2012/NĐ-CP ngày 20/01/2012 về sửa đổi Điều 5 Nghị định số 79/2007/CP-NĐ ngày 18/05/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ kí. |  |
| Seminar | - Phân biệt hoạt động cấp bản sao từ sổ gốc với cấp bản sao công chứng;- Phân biệt hoạt động cấp bản sao từ sổ gốc với chứng thực bản sao; | 1 |  |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 13** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Khái niệm luật sư;- Nguyên tắc hành nghề luật sư; | 2 | *\* Đọc:*- Bộ luật dân sự năm 2005;- Luật tổ chức Chính phủ năm 2001;- Luật luật sư năm 2006;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2014;- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Nghị định của Chính phủ số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.  |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |
| **Tuần 14** |  |  |  |  |
| Lí thuyết | - Nội dung quản lí nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư.- Chủ thể quản lí nhà nước về luật sư;- Đánh giá nội dung quản lí nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư. | 1 | *\* Đọc:*- Bộ luật dân sự năm 2005;- Luật tổ chức Chính phủ năm 2001;- Luật luật sư năm 2006;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2014;- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Nghị định của Chính phủ số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.  |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá | Kiểm tra bài số 02 | 1 |  |  |
| **Tuần 15** |  |  |  |  |
| Seminar | - Đào tạo nghề luật sư;- Tập sự hành nghề luật sư.- Hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam.- Các hình thức tổ chức hành nghề luật sư;- Điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư. | 2 | *\* Đọc:*- Bộ luật dân sự năm 2015;- Luật tổ chức Chính phủ năm 2015;- Luật luật sư năm 2006;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2014;- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;- Nghị định của Chính phủ số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.  |  |
| Tự học |  | 4 |  |  |
| Kiểm traĐánh giá |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA***(đã ký)****Nguyễn Đức Long*** | **TRƯỞNG BỘ MÔN***(đã ký)****Nguyễn Đức Long*** |